

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐỢT XÉT THÁNG 07-2026

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp loại
1	22609004	Nguyễn Quỳnh Tú	Anh	04/11/2001	22LC09SP3C	150	7.15	Khá
2	22810028	Nguyễn Quốc	Vũ	21/05/2002	22LC10DN2	150	7.03	Khá
3	22810030	Nguyễn Văn	Chiêu	07/03/2001	22LC10SP3	150	7.37	Khá
4	22810039	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	13/09/2000	22LC10SP3	150	7.43	Khá
5	22810044	Nguyễn Ngọc	Phú	11/07/2000	22LC10SP3	150	7.18	Khá
6	22810051	Nguyễn Quốc	Thuận	19/05/1998	22LC10SP3	150	7.20	Khá
7	22842010	Đặng Thành	Đạt	02/04/1999	22LC42DN2	152	6.78	Khá
8	19642174	Nguyễn Võ Văn	Trường	18/10/1998	22LC42SP2C	152	6.87	Khá
9	22642070	Đỗ Khắc	Thịnh	01/10/2001	22LC42SP3C	152	6.88	Khá
10	22642077	Nguyễn Văn	Vinh	13/10/2001	22LC42SP3C	152	7.27	Khá
11	22842149	Trần Quang	Tá	03/07/2000	22LC42SP3L	152	6.87	Khá
12	22842170	Võ Văn	Trung	16/10/2001	22LC42SP3L	152	6.93	Khá
13	22842171	Lê Trọng	Trường	29/11/2000	22LC42SP3L	152	6.57	Khá
14	22843025	Nguyễn Thành	Luân	22/09/1997	22LC43DN2	150	7.01	Khá
15	22843186	Giáp Văn Thành	Trung	15/12/1999	22LC43DN3	150	7.46	Khá
16	22643015	Trần Huỳnh	Khôi	27/11/1997	22LC43SP2C	150	7.05	Khá
17	22843082	Trần Thanh	Sang	18/11/1996	22LC43SP2L	150	7.03	Khá
18	22643043	Phạm Quốc	Đạt	25/10/1999	22LC43SP3C	150	6.99	Khá
19	22843111	Phạm Thành	Dực	14/11/2000	22LC43SP3L	150	6.83	Khá
20	22843121	Phạm Anh	Khánh	27/09/2001	22LC43SP3L	150	7.00	Khá
21	22843214	Châu Kim	Phước	06/09/1998	22LC43SP3L	150	7.22	Khá
22	22845192	Phạm Duy	Phong	03/12/2001	22LC45LTT3	150	6.82	Khá
23	22845212	Phạm Thạch	Vũ	16/09/1999	22LC45LTT3	150	7.10	Khá
24	22645020	Lương Hữu	Phước	23/11/2000	22LC45SP3	150	7.06	Khá
25	22845112	Phan Hoài	Phong	12/04/2000	22LC45SP3	150	7.15	Khá
26	22646028	Nguyễn Nhật	Nam	19/05/2000	22LC46SP3C	150	6.57	Khá
27	22646033	Nguyễn Văn	Nhon	22/05/1999	22LC46SP3C	150	6.61	Khá
28	22847062	Trần Minh	Đức	08/05/2003	22LC47DN3	151	6.93	Khá
29	22847063	Trần Đại	Lâm	06/10/1999	22LC47DN3	151	7.06	Khá
30	22647015	Nguyễn Trọng	Quân	20/10/2001	22LC47SP3C	150	6.97	Khá
31	22847002	Trịnh Hoàng	Anh	26/02/2000	22LC47SP3L	150	6.98	Khá
32	22847037	Lưu Thuận	Phát	04/03/2000	22LC47SP3L	151	6.46	Trung bình

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp loại
33	22847054	Trần Thiện	Toại	21/12/1997	22LC47SP3L	150	6.87	Khá
34	22649001	Trương Đông	Huân	20/04/1996	22LC49SP3	153	6.82	Khá
35	22849009	Phan Minh	Tiến	05/01/2000	22LC49SP3	153	7.03	Khá
36	22651001	Đỗ Quang	Anh	08/11/1998	22LC51SP3C	150	6.47	Trung bình
37	22651007	Nguyễn Tiến	Đạt	10/07/1998	22LC51SP3C	150	6.74	Khá
38	22651018	Nguyễn Việt	Long	12/11/2000	22LC51SP3C	150	6.88	Khá
39	22861007	Dương Hoàng	Long	20/02/2000	22LC61DN2	150	6.50	Khá
40	22861047	Lê Bùi Tuấn	Anh	24/02/2003	22LC61DN3	150	6.69	Khá
41	22861049	Lê Võ Quốc	Bảo	04/03/2002	22LC61DN3	150	7.14	Khá
42	22861057	Diệp Trần Đình	Tiến	11/09/2001	22LC61DN3	150	6.77	Khá
43	22861022	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	17/05/2001	22LC61SP3L	150	6.82	Khá
44	22861045	Trần Tuấn	Vũ	21/05/1992	22LC61SP3L	150	6.70	Khá
45	23604009	Trương Hùng	Tín	20/06/1991	23LC04SP2	151	7.59	Khá
46	23804011	Lê Lữ Đại	Triều	18/02/2001	23LC04SP2	151	7.53	Khá
47	23804013	Lê Thị Thi	Tuyên	12/08/1995	23LC04SP2	151	7.49	Khá
48	23810064	Ngô Quốc	Khánh	02/09/2002	23LC10DN2	150	7.58	Khá
49	23810069	Hoàng Kim	Lương	01/09/2002	23LC10DN2	150	7.82	Khá
50	23810072	Võ Thành	Nam	07/10/2001	23LC10DN2	150	7.67	Khá
51	23810080	Phạm Quang	Trường	11/09/2002	23LC10DN2	150	7.73	Khá
52	23610013	Trương Quang	Huy	27/12/2000	23LC10LTT2	150	8.15	Giỏi
53	23810084	Võ Hoàng	Bảo	11/08/2003	23LC10LTT2	150	7.39	Khá
54	23810093	Võ Ngọc Gia	Phúc	01/01/2003	23LC10LTT2	150	7.14	Khá
55	23810094	Võ Hữu	Phước	10/09/1994	23LC10LTT2	150	6.84	Khá
56	23810052	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	13/10/2002	23LC10SP2	150	7.60	Khá
57	23810053	Đào Thị	Uyên	23/10/2002	23LC10SP2	150	7.57	Khá
58	23825034	Hồ Trần Quỳnh Anh	Thư	26/08/2002	23LC25SP2	125	7.71	Khá
59	23642026	Đoàn Vũ	Bằng	20/01/1993	23LC42COT1	152	7.91	Khá
60	23842078	Lưu Bá	Khuong	19/05/1999	23LC42COT1	152	7.38	Khá
61	23842237	Nguyễn Phương	Nam	21/06/2001	23LC42DN2	152	6.70	Khá
62	23842244	Vũ Văn	Quang	02/08/1996	23LC42DN2	152	7.04	Khá
63	23842249	Từ Duy	Tâm	11/01/2002	23LC42DN2	152	6.35	Trung bình
64	23642033	Quý	Lễ	22/02/1994	23LC42DNC1	152	7.30	Khá
65	23842129	Hồ Hoàng	Kiểm	20/08/1997	23LC42DNC1	152	7.03	Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp loại
66	23842284	Trần Chính	Lý	19/09/2001	23LC42DNC2	152	7.63	Khá
67	23842286	Trần Hoàng	Phúc	10/08/2002	23LC42DNC2	152	6.96	Khá
68	23642077	Kiều Tấn	Dành	26/06/1996	23LC42LTT2	152	7.05	Khá
69	23642080	Nguyễn Văn	Trọng	05/05/1997	23LC42LTT2	152	7.45	Khá
70	23842175	Đoàn Xuân	Hải	14/09/2002	23LC42LTT2	152	6.73	Khá
71	23842299	Lê Trọng	Tú	11/04/2001	23LC42LTT2	152	7.35	Khá
72	23842300	Nguyễn Quốc	Vỹ	09/10/1992	23LC42LTT2	152	7.11	Khá
73	23842007	Huỳnh Hữu	Đức	19/12/1999	23LC42SP1L	152	6.98	Khá
74	23842027	Lê Hải	Phi	19/06/2001	23LC42SP1L	152	6.88	Khá
75	23842029	Trần Thanh	Sang	17/11/2002	23LC42SP1L	152	6.51	Khá
76	23842043	Võ Kim	Tuyền	18/10/1997	23LC42SP1L	152	6.90	Khá
77	23642072	Lê Công	Vũ	02/07/1996	23LC42SP2C	152	7.06	Khá
78	23842194	Hồ Đắc	Nguyên	16/12/2000	23LC42SP2L	152	6.48	Trung bình
79	23842195	Lâm Văn	Nhàn	05/05/2000	23LC42SP2L	152	6.60	Khá
80	23842202	Trương Tấn	Sang	14/01/1999	23LC42SP2L	152	6.18	Trung bình
81	23643062	Nguyễn Công	Hậu	16/04/1998	23LC43COT2	150	7.12	Khá
82	23843075	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	04/05/2000	23LC43DN2	150	7.96	Khá
83	23843149	Nguyễn Trần Anh	Huy	10/07/2003	23LC43LTT2	150	7.38	Khá
84	23843152	Hoàng Ngọc	Nhất	22/10/2001	23LC43LTT2	150	7.23	Khá
85	23843155	Nguyễn Đình	Quý	17/09/2003	23LC43LTT2	150	7.61	Khá
86	23643009	Nguyễn Công	Khanh	17/08/1995	23LC43SP1	150	7.07	Khá
87	23843001	Lê Quốc	Bảo	04/07/2000	23LC43SP1	150	7.30	Khá
88	23643031	Huỳnh Văn	Hiếu	08/02/1993	23LC43SP2C	150	7.97	Khá
89	23843058	Nguyễn Kế Anh	Tĩnh	06/01/2002	23LC43SP2L	150	7.51	Khá
90	23843061	Võ Văn	Trãi	10/05/2001	23LC43SP2L	150	7.69	Khá
91	23845055	Trần Dương	Nam	03/09/2000	23LC45COT1	150	7.13	Khá
92	23845058	Nguyễn Văn	Sơn	10/02/2000	23LC45COT1	150	7.06	Khá
93	23845063	Phan Văn	Trường	20/04/2000	23LC45COT1	150	7.28	Khá
94	23845076	Vũ Cao	Luyện	05/10/2000	23LC45KH1	150	7.10	Khá
95	23645014	Đình Quốc	Vinh	22/12/1999	23LC45SP1	150	6.98	Khá
96	23845003	Trần Văn	Đạt	20/07/2001	23LC45SP1	150	6.54	Khá
97	23845013	Lê Quốc	Hưng	03/01/2003	23LC45SP1	150	6.63	Khá
98	23845028	Trần Phú	Quý	24/12/2002	23LC45SP1	150	6.64	Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp loại
99	23845029	Hoàng Minh	Quý	12/01/1999	23LC45SP1	150	6.70	Khá
100	23845041	Nguyễn Đỗ Thành	Triết	20/01/2002	23LC45SP1	150	6.85	Khá
101	23845042	Tô Thanh	Tùng	01/08/2002	23LC45SP1	150	6.77	Khá
102	23645030	Lê Trần Quang	Khang	27/04/2002	23LC45SP2C	150	7.20	Khá
103	23645039	Huỳnh Nguyễn Duy	Minh	05/04/2002	23LC45SP2C	150	7.56	Khá
104	23645043	Dương Quang Hồng	Phúc	18/11/2002	23LC45SP2C	150	7.17	Khá
105	23645045	Trần Hoài	Sơn	18/10/2002	23LC45SP2C	150	7.80	Khá
106	23645046	Nguyễn Tấn	Tài	14/02/2002	23LC45SP2C	150	7.50	Khá
107	23645056	Nguyễn Thanh	Tú	10/12/1996	23LC45SP2C	150	7.26	Khá
108	23845099	Huỳnh Anh	Duy	11/01/2001	23LC45SP2L	150	6.80	Khá
109	23845104	Trần Văn	Hậu	29/03/2001	23LC45SP2L	150	7.06	Khá
110	23845130	Nguyễn Hữu	Quý	20/05/2002	23LC45SP2L	150	6.97	Khá
111	23646009	Đỗ Ngọc	Quý	04/12/1998	23LC46SP1	150	6.52	Khá
112	23846002	Nguyễn Diên Phương	Đông	27/04/2002	23LC46SP1	151	7.12	Khá
113	23846020	Trần Minh	Nhật	29/09/2000	23LC46SP2	150	6.97	Khá
114	23649005	Nguyễn Quốc	Hưng	22/02/1990	23LC49SP2	153	7.30	Khá
115	23649008	Nguyễn Việt	Quý	25/01/1994	23LC49SP2	153	7.40	Khá
116	23849030	Nguyễn Hữu	Nhân	16/11/2001	23LC49SP2	153	6.93	Khá
117	23849031	Trần Thanh	Phong	02/08/2000	23LC49SP2	153	7.61	Khá
118	23651026	Trần Trọng	Nhân	23/11/2002	23LC51SP2	150	7.37	Khá
119	23651032	Mai Công	Toàn	18/03/2000	23LC51SP2	150	7.29	Khá
120	23851014	Huỳnh Tấn	Hưng	06/03/2002	23LC51SP2	150	8.16	Giỏi
121	23861044	Nguyễn Đỗ	Phúc	25/11/2003	23LC61DN2	150	7.36	Khá
122	23861047	Phạm Trần Minh	Tuấn	19/10/2003	23LC61DN2	150	6.80	Khá
123	23661016	Đỗ Minh	Tiến	11/08/1997	23LC61SP1	150	6.93	Khá
124	23661029	Nguyễn Anh	Khoa	24/08/2002	23LC61SP2C	150	7.34	Khá
125	23661035	Hồ Chí	Nguyên	10/11/2002	23LC61SP2C	150	7.04	Khá
126	23661037	Hà Văn	Sơn	10/04/2000	23LC61SP2C	150	7.17	Khá
127	23861030	Huỳnh Thị Quế	Trâm	26/01/2000	23LC61SP2L	150	7.15	Khá